



Số: 0189.VKH.1(1)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH KHÍ TÂY NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ : **Ấp 6, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam**

Địa chỉ lấy mẫu : **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau

Loại mẫu : **Tiếng ồn, độ rung**

Mô tả mẫu : **Mẫu đo trực tiếp tại hiện trường**

Ngày lấy mẫu : **30/06/2026** Lần ban hành : **01**

Mã số mẫu : **26.0189.KK1 → 26.0189.KK4**

Thông tin lấy mẫu : **26.0189.KK1: Máy phát điện dự phòng khu vực nhà máy**
26.0189.KK2: Khu vực máy nén không khí
26.0189.KK3: Khu vực nhà thiết bị làm khô không khí
26.0189.KK4: Máy phát điện dự phòng khu vực cảng sản xuất sản phẩm

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^(a)	TCVN 7878-2:2018 ^(*)	35 ÷ 130 dBA
2	Độ rung ^(a)	TCVN 6963:2001 ^(*)	20 ÷ 150 dB

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

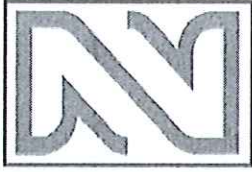
Vị trí quan trắc	Tiếng ồn	Độ rung
Đơn vị	dBA	dB
1. Máy phát điện dự phòng khu vực nhà máy (26.0189.KK1)	55,2	37,2
2. Khu vực máy nén không khí (26.0189.KK2)	72,9	47,0
3. Khu vực nhà thiết bị làm khô không khí (26.0189.KK3)	78,9	43,7
4. Máy phát điện dự phòng khu vực cảng sản xuất sản phẩm (26.0189.KK4)	57,3	39,3
QCVN 26:2025/BNNMT	6 giờ - 18 giờ: 70	-
QCVN 27:2025/BNNMT	-	6 giờ - 22 giờ: 75

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0189.VKH.1(1)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường chứng nhận (VIMCERTS 314)

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

Khu vực E, Bảng 1. Giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động dân sinh quy định tại mục 1.3.3.1.

QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung

Khu vực D, Bảng 1. Giá trị tối đa cho phép đối với mức rung phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động dân sinh quy định tại mục 1.3.3.1.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



KT. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC

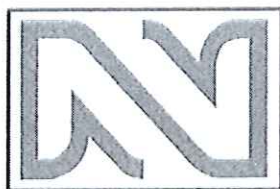
Nguyễn Thanh Hùng

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0189.3(1).NT-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH KHÍ TÂY NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Địa chỉ : **Ấp 6, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam**
Địa chỉ lấy mẫu : **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : **Nước thải**
Mô tả mẫu : **Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh**
Ngày lấy mẫu : **30/06/2026**
Mã số mẫu : **26.0189.NT2**
Thông tin lấy mẫu : **Nước thải sinh hoạt từ phòng điều khiển khu vực cảng xuất sản phẩm.**
(Tọa độ vị trí xả thải: X = 1022182,86; Y = 561685,76)
Ngày phân tích mẫu : **01/07/2026** Lần ban hành : **01**

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

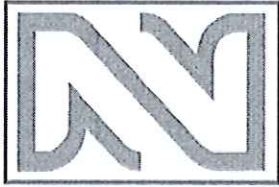
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (28,9°C)	-	7,79	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TDS ^(a)	mg/L	204	1.000	HD-ĐN-N03 ^(*)
3.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	19,1	120	TCVN 6625:2000
4.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=2,1)	60	TCVN 6001-1:2021
5.	Nitrat (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	21,8	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0189.3(1).NT-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
6.	Amoni (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,04)	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
7.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,04)	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8.	Phosphat (tính theo P) ^{(a)(b)}	mg/L	0,498	12	SMEWW 4500-P.E:2023
9.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
10.	CHĐBM anion ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	4.600	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường chứng nhận (VIMCERTS 314)

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



KT. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC

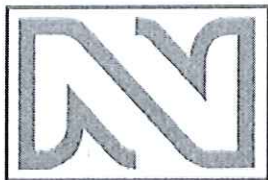
Nguyễn Thanh Hùng

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0189.NS.4(1)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH KHÍ TÂY NAM BỘ - TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**
Địa chỉ : **Ấp 6, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam**
Địa chỉ lấy mẫu : **NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : **Nước sạch**
Mô tả mẫu : **Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh**
Ngày nhận mẫu : **30/06/2026**
Mã số mẫu : **26.0189.NS1**
Tên mẫu : **Tại vòi nước sinh hoạt tại nhà ăn**
Ngày phân tích mẫu : **01/07/2026** Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

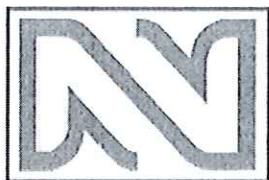
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ) / Phạm vi đo	QCVN 01-1: 2024/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(b) (25,0°C)	-	8,18	2 ÷ 12	6,0 ÷ 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Mùi vị	-	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	HD - TN - N47 (Ref. SMEWW 2150:2023, ref SMEWW 2160:2023)
3.	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 ÷ 1.100	2	SMEWW 2130B:2023
4.	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 ÷ 500	15	TCVN 6185:2015 HD-ĐN-N06
5.	Clo dư ^(b)	mg/L	0,32	0,01 ÷ 5	0,2 ÷ 1,0	SMEWW 4500-CI G:2023
6.	Chỉ số Pecmanganat ^(b)	mg/L	< 1	1,0	2	TCVN 6186:1996
7.	As ^(b)	µg/L	KPH	6,0	10	SMEWW 3114C:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0189.NS.4(1)-2026/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ) /Phạm vi đo	QCVN 01-1: 2024/BYT	Phương pháp phân tích
8.	Coliform ^(b)	CFU/100mL	< 1 ^(c)	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
9.	E.coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ^(c)	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
10.	Staphylococcus aureus ^(b)	CFU/100mL	< 1 ^(c)	1	< 1	SMEWW 9213B:2023
11.	Pseudomonas aeruginosa ^(b)	CFU/100mL	< 1 ^(c)	1	< 1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)

Ghi chú:

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

PHỤNG TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



KT. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017